

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 17-5-2024
Về việc tranh chấp về thừa
kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hồng Châu.
- Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình D tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 472/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bạch T, sinh năm 1972; trú tại: 205 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; trú tại: 205 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1971; trú tại: A62 bis, đường CMT8, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 27/12/2023. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2003; 205 khu phố Thạnh Hòa A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Cháu Võ Minh Q, sinh năm 2011;

Người đại diện hợp pháp của cháu Q: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Cùng trú tại: 205 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình D. Có mặt.

3. Bà Võ Thùy D, sinh năm 1974; trú tại: 205 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình D. Có mặt.

4. Bà Võ Nguyễn Nhã T, sinh năm 1999; trú tại: 205 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 ngày 12 năm 2023 và trong suốt quá trình tố tụng nguyên đơn – bà Võ Thị Bạch T thống nhất trình bày:

- Về quan hệ huyết thống: Ông Võ Tiến PH, sinh năm 1927 (chết ngày 30/8/2005 theo Giấy chứng tử số 563/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021 và bà Nguyễn Thị Sương, sinh năm 1942 (chết ngày 11/11/2009 theo giấy chứng tử số 562/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021). Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương có 3 người con gồm: Bà Võ Thị Bạch T, sinh năm 1972; bà Võ Thùy D, sinh năm 1974 và ông Võ PH Nam, sinh năm 1980 (chết ngày 13/12/2011), ông Võ PH Nam có vợ bà Nguyễn Thị T và 02 người con bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2003; cháu Võ Minh Q, sinh năm 2011.

Về di sản thừa kế: Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương chết để lại phần đất thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH vào ngày 30/11/2004 có diện tích 178,8 m² (trong đó có 63 m² HLBVM, 115,8 m² ODT). Phần di sản sản để lại theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận (trong đó có 8 m² thuộc HLATĐB), tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng.

Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương chết không để lại di chúc. Phần đất trên trước đây được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D trao tặng nhà tình nghĩa cho tH bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng của huyện trong năm 2002, theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2002. Ngôi nhà tình tH thì có ông Võ Tiến PH, bà Nguyễn Thị Sương, ông Võ PH Nam, bà Nguyễn Thị T và 02 người con bà Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q cùng sinh sống trên ngôi nhà này. Sau đó, bà Võ Thùy D là em ruột của bà T không có gia đình về xây dựng căn nhà cấp 4 và sinh sống kế bên ngôi nhà tình nghĩa.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cha mẹ ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương phần đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích còn lại Phần di sản sản để lại theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng

nhận, tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng thành 3 kỷ phần. Trước khi chia thừa kế theo pháp luật thì bà T đồng ý 01 phần theo đơn phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu trích 20% giá trị di sản để tính công sức đóng góp cho bà Nguyễn Thị T. Căn cứ theo kết quả đo đạc, định giá của Tòa án là 20% trên tổng diện tích đo đạc thuộc một phần thửa số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH vào ngày 30/11/2004. Bà Nguyễn Thị T xin được nhận bằng hiện vật thì bà T chỉ đồng ý chia cho bà T 15% công sức đóng góp bằng hiện vật, sau đó diện tích còn lại chia thừa kế theo pháp luật thành 03 kỷ phần, bà T xin nhận giá trị theo kết quả định giá tương đương kỷ phần bà T được nhận. Còn lại chia hiện vật cho bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; cháu Võ Minh Q và bà Võ Thùy D.

Ngoài ra, nguyên đơn không có bất kỳ ý kiến nào khác.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Tờ tường trình về quan hệ nhân thân (bản chính); Giấy khai sinh của Võ Thùy D, Võ Thị Bạch T; trích lục khai tử của Nguyễn Thị Sương; ông Võ Tiến PH và Võ PH Nam (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH vào ngày 30/11/2004 (pho to); Căn cước công dân của nguyên đơn bà T và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Tại đơn phản tố ngày 26 tháng 02 năm 2024, bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn – bà Nguyễn Thị Diễm H thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế: Bị đơn thống nhất toàn bộ quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, kết quả đo đạc thực tế, định giá, thẩm định tài sản tranh chấp như nguyên đơn trình bày.

Về yêu cầu khởi kiện: Bị đơn đồng ý 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương chết để lại phần đất thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH vào ngày 30/11/2004 có diện tích 178,8 m² (trong đó có 63 m² HLBVM, 115,8 m² ODT). Phần di sản sản để lại theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận), tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T là con dâu sống và chăm sóc mẹ chồng từ khi kết hôn với ông Võ PH Nam năm 2002 trên ngôi nhà tình nghĩa cho tH bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng của huyện trong năm 2002, theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2002 cho đến năm 2023. Ngày

13/12/2011, chồng bà T là ông Võ PH Nam cũng đã chết, bà T cùng các con sinh sống trên ngôi nhà tình nghĩa và thờ cúng tổ tiên ông bà, cha mẹ chồng cùng chồng bà T. Do ngôi nhà tình nghĩa bị ngập và hư hỏng toàn bộ nên bà T có đơn xin giấy phép ra phường An Thạnh để sửa chữa ngôi nhà có nơi để thờ cúng nhưng chưa xong thì bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ để lại. Vì vậy, bà T có đơn phản tố yêu cầu phản tố được hưởng 20% công sức đóng góp giữ gìn phần đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích còn 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận (trong đó có 8 m² thuộc HLATĐB), cụ thể được hưởng diện tích 28,48 m². Bà Nguyễn Thị T xin được nhận hiện vật để cộng phần diện tích thừa kế của chồng ông Võ PH Nam, cùng 02 con để có nơi ở, sửa chữa ngôi nhà thờ cúng tổ tiên. Bà Nguyễn Thị T chỉ mong muốn được nhận kỷ phần như vậy trên nền của ngôi nhà tình nghĩa mà Nhà nước đã cấp để thờ cúng cha mẹ chồng. Hơn nữa, gia đình nhà chồng bà Nguyễn Thị T là gia đình cách mạng, bản thân nhà bà Nguyễn Thị T cũng là hộ nghèo của chính quyền địa phương theo sổ hộ nghèo. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T mong muốn Hội đồng xét xử thi hành chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, sau đó chia thừa kế theo pháp luật để bà T cùng các con có nơi ở ổn định.

Ngoài ra, bị đơn không còn ý kiến và yêu cầu nào khác.

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến của bị đơn: Căn cước công dân; bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến và bản pho to cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn; giấy ủy quyền (bản chính); tờ tường trình, sổ hộ nghèo và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thùy D thống nhất trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất tranh chấp và kết quả đo đạc định giá.

Về di sản thừa kế: Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương chết để lại phần đất thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp cho hộ ông Võ Tiến PH, ngày 30/11/2004 theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận (trong đó có 8 m² thuộc HLATĐB, tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng.

Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương chết không để lại di chúc. Phần đất trên trước đây được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương trao tặng nhà tình nghĩa cho thi bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng của huyện trong năm 2002, theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2002. Ngôi nhà tình nghĩa thì có ông Võ Tiến PH, bà Nguyễn Thị Sương, ông Võ PH Nam, bà Nguyễn Thị T và 02 người con bà Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q cùng sinh sống trên ngôi nhà này. Sau đó, bà Võ Thùy D không có gia đình, có con riêng nên cha mẹ cho xây dựng căn nhà cấp 4 năm 1999 để sinh

sống kế bên ngôi nhà tình tH. Việc xây dựng nhà có hỏi ý kiến của Ủy ban nhân dân phường An Thanh.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cha mẹ ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương phần đất theo kết quả đo đạc thực tế thành 3 kỷ phần thì bà Võ Thùy D đồng ý. Tuy nhiên, bà D xin được nhận hiện vật và trả lại phần giá trị chênh lệch cho bà Võ Thị Bạch T. Đối với số tiền chênh lệch thì bà D hiện nay không có tiền chỉ mong được trả dần.

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T thì bà D chỉ đồng ý 01 phần theo đơn phân tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Cụ thể bà Nguyễn Thị T yêu cầu trích 20% giá trị di sản để tính công sức đóng góp giữ gìn thì bà D chỉ đồng ý chia cho bà T 10% công sức đóng góp bằng hiện vật, sau đó diện tích còn lại chia thừa kế theo pháp luật thành 03 kỷ phần như sau. Bà Võ Thùy D xin nhận 60 m² gắn liền căn nhà đang ở, phần chênh lệch diện tích bà D bồi hoàn cho bà T nhưng xin trả dần. Bà Võ Thùy D cũng xin nhận 60 m² không nhận phần hơn vì không có khả năng để bồi hoàn giá trị, diện tích còn lại giao cho bà Nguyễn Thị T và các con của bà T. Bà T và các con của bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Võ Thị Bạch T.

Ngoài ra, bà Võ Thùy D không có bất kỳ ý kiến nào khác, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ bà Võ Thùy D cung cấp: Căn cước công dân; bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị Hồng D thống nhất toàn bộ quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, kết quả đo đạc thực tế, định giá, thẩm định tài sản tranh chấp như nguyên đơn trình bày, thống nhất yêu cầu phân tố của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu được đồng sở hữu kỷ phần thừa kế để có nơi mẹ con sinh sống.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Hồng D không có bất kỳ ý kiến nào khác, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị Hồng D cung cấp: Căn cước công dân; bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Võ Minh Q, do bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế: Bà Nguyễn Thị Hồng D thống nhất toàn bộ quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, kết quả đo đạc thực tế, định giá, thẩm định tài sản tranh chấp như nguyên đơn trình bày và thống nhất yêu cầu phân tố của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu được đồng sở hữu kỷ phần thừa kế để có nơi mẹ con sinh sống.

Ngoài ra, không có bất kỳ ý kiến nào khác, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ cháu Võ Minh Q cung cấp: Giấy khai sinh; bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Nguyễn Nhã T thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc di sản thừa kế: Bà T thống nhất toàn bộ quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, kết quả đo đạc thực tế, định giá, thẩm định tài sản tranh chấp như nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày.

Bà T sống cùng nhà với mẹ ruột là bà Võ Thùy D. Bà T xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án và không có bất kỳ công sức đóng góp giữ gìn. Bà T đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, bà T không còn ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ và nội dung trình của đương sự, nhận thấy:

Phần đất có diện tích 178,8 m² (trong đó có 63 m² HLBVM, 115,8 m² ODT), hiện nay theo kết quả đo đạc thực tế diện tích còn lại diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận (trong đó có 8 m² thuộc HLABĐB), tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6,7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322; tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH ngày 30/11/2004.

Ông Võ Tiến PH, sinh năm 1927 (chết ngày 30/8/2005 theo Giấy chứng tử số 563/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021) và vợ là bà Nguyễn Thị Sương, sinh năm 1942 (chết ngày 11/11/2009 theo giấy chứng tử số 562/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021). Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương có 3 người con gồm: Bà Võ Thị Bạch T, sinh năm 1972; bà Võ Thùy D, sinh năm 1974 và ông Võ PH Nam, sinh năm 1980 (chết ngày 13/12/2011), ông Nam có vợ bà Nguyễn Thị T và 02 người con là bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2003; Cháu Võ Minh Q, sinh năm 2011. Các đương sự đều thống nhất, trước khi chết thì ông Nam và vợ con cùng sinh sống với cha mẹ là ông PH, bà Sương trên diện tích đất nêu trên, có công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Thống nhất chia thừa kế theo pháp luật.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất cha mẹ để lại nêu trên, đồng ý tính công sức đóng góp của vợ chồng ông Nam, bà T là 10%, phần đất còn lại chia cho bà T và bà D quản lý, sử dụng và thanh toán lại giá trị phần của bà được hưởng. Bà T có yêu cầu phản tố được tính công sức đóng góp là 20% trước khi chia thừa kế.

Xét thấy, diện tích đất 178,8 m² (hiện nay theo kết quả đo đạc thực tế diện tích còn lại là 142,4 m²) do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH. Vợ chồng ông PH, bà Sương chết không để lại di chúc nên nay bà T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có cơ sở theo quy định tại Điều 674, Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 649, Điều 650 Bộ luật Dân sự 2015).

Vợ chồng ông PH, bà Sương có 03 người con là bà T, bà D và ông Nam. Năm 2011, ông Nam chết nên nay chia cho vợ con ông Nam nhận phần di sản mà ông Nam được hưởng. Xét vợ chồng ông Nam, bà T đã sinh sống cùng ông PH, bà Sương trên diện tích đất tranh chấp từ khi kết hôn, có công sức chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng cha mẹ nên cần phải tính công sức đóng góp trước khi chia thừa kế theo pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 676, Điều 683 Bộ luật Dân sự 2005 và theo nguyện vọng của các bên, tính công sức bảo quản di sản, chăm sóc, phụng dưỡng, thờ cúng người để lại di sản cho vợ chồng ông Nam, bà T là 15% di sản; 85% di sản còn lại chia đều 03 phần: Mẹ con bà T, bà D và bà T mỗi người 1/3.

Do hiện nay, trên phần đất tranh chấp bà D đã xây dựng và sử dụng 01 căn nhà diện tích 55 m² (trong đó có 6,7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) và có yêu cầu được tiếp tục sử dụng; bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật; bà T có yêu cầu nhận giá trị và đồng thời để đảm bảo sự ổn định của tài sản hiện có trên đất, hạn chế thiệt hại và đảm bảo diện tích đất sau khi tách thửa đủ phục vụ cho xây dựng, sử dụng cho các đương sự nên cần chia phần đất thành hai phần giao cho bà D và bà T cùng các con quản lý, sử dụng; bà T, bà D có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng cho bà T.

Từ những nội dung phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 683 Bộ luật dân sự 2005 (nay là các Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015); chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tính công sức đóng góp, bảo quản di sản thừa kế.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH, ngày 30/11/2004 nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống của ông Võ Tiến PH, sinh năm 1927 (chết ngày 30/8/2005 theo Giấy chứng tử số 563/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021 và bà Nguyễn Thị Sương, sinh năm 1942 (chết ngày 11/11/2009 theo giấy chứng tử số 562/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh cấp ngày 20/3/2021). Ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương có 03 người con gồm: Bà Võ Thị Bạch T, sinh năm 1972; bà Võ Thùy D, sinh năm 1974 và ông Võ PH Nam, sinh năm 1980 (chết ngày 13/12/2011), ông Võ PH Nam có vợ bà Nguyễn Thị T và 02 người con là cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2003; cháu Võ Minh Q, sinh năm 2011 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương theo kết quả đo đạc, định giá tài sản tranh chấp thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D, diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT; 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận, tài sản trên đất có căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) do bà Võ Thùy D xây dựng. Giá đất thổ cư ODT 22.000.000 đồng/m², giá đất nông nghiệp: 18.000.000 đồng/m². Các đương sự thống nhất giá đất 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận là đất nông nghiệp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương theo pháp luật, yêu cầu phản tố của bị đơn. Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử, xét đơn phản tố của bà Nguyễn Thị T trước như sau: Bà Nguyễn Thị T có đơn phản tố yêu cầu phản tố được hưởng 20% công sức đóng góp giữ gìn phần phần đất theo kết quả đo đạc thực tế diện tích 142,4 m² gồm: 115,8 m² ODT, 26,6 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận, cụ thể được hưởng diện tích 28,48 m². Hội đồng xét xử, xét thấy bà Nguyễn Thị T và ông Võ PH Nam sống chung cùng ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương từ năm 2002 trên ngôi nhà tình nghĩa cho tH bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng của huyện trong

năm 2002, theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2002 cho đến năm 2023. Ngày 13/12/2011, ông Võ PH Nam chết, bà Nguyễn Thị T cùng 02 người con là cháu Nguyễn Thị Hồng D và Võ Minh Q sinh sống cho đến nay. Mặt khác, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận bà Nguyễn Thị T cùng 02 người con là cháu Nguyễn Thị Hồng D và Võ Minh Q sống chăm sóc cha mẹ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2024 tại chính quyền địa phương cũng thể hiện bà T cùng các con sinh sống tại địa chỉ trên và là hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T đã sinh sống làm dâu cùng gia đình chồng 22 năm, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, cụ thể chấp nhận công sức đóng góp, giữ gìn là 15% trên di sản thừa kế của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương để lại cụ thể: $(142,4 \text{ m}^2 \times 15\%) = 21,36 \text{ m}^2$ (trong đó có 17,37 m² ODT, 3,99 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận).

Di sản thừa kế của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương còn lại 121,04 m² (trong đó 94,44 m² ODT, 22,61 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận).

Do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận 01 phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương để lại theo quy định của pháp luật. Do hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm: Bà Võ Thị Bạch T; bà Võ Thùy D và ông Võ PH Nam, sinh năm 1980 (chết ngày 13/12/2011). Do ông Võ PH Nam chết sau ông Võ Tiến PH và bà Nguyễn Thị Sương nên vợ và 02 con là bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D và Võ Minh Q được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Võ PH Nam. Vì vậy, diện tích còn lại 121,04 m² (trong đó 94,44 m² ODT, 22,61 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận, được chia làm 3 kỷ phần bằng nhau, cụ thể như sau: $121,04 : 3 = 40,346 \text{ m}^2$ (trong đó 31,48 m² ODT, 7,536 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận), trị giá kỷ phần thừa kế là 692.560.000 đồng + 135.648.000 đồng = 828.208.000 đồng. Do bà Võ Thùy D xây dựng căn nhà 55 m² (trong đó có 6.7 m² nhà ở thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận) và nguyện vọng chỉ muốn được sử dụng 60 m² gồm căn nhà đang ở và diện tích cho đủ 60 m²; Nguyên vọng của bà D được sự đồng ý của hàng thừa kế còn lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật sau khi trừ đi diện tích bà D nhận 60 m² nhưng phải gắn liền nền ngôi nhà tình nghĩa cho tH bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng của huyện trong năm 2002, theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 15 tháng 7 năm 2002. Bà T có yêu cầu nhận giá trị và đồng thời để đảm bảo sự ổn định của tài sản hiện có trên đất, hạn chế thiệt hại và đảm bảo diện tích đất sau khi tách thửa đủ phục vụ cho xây dựng, sử dụng cho các đương sự nên cần chia phần đất thành hai phần giao cho bà D và bà T cùng các con quản lý, sử dụng; bà T, bà D có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng cho bà T. Yêu cầu nhận hiện vật của bà Nguyễn Thị T đại diện cho kỷ phần thừa kế của ông Võ PH Nam và bà Võ Thùy D cũng thể hiện chính sách chăm sóc gia đình có công cách mạng và phù hợp Quyết định số 12/2023/QĐ-

UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình D về điều kiện tách thửa nên Hội đồng xét xử chia kỹ phần thừa kế như sau:

Bà Võ Thị Bạch T được nhận kỹ phần thừa kế bằng giá trị số tiền 828.208.000 đồng từ bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; Võ Minh Q và bà Võ Thùy D thanh toán.

Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; cháu Võ Minh Q được đồng sở hữu phần đất gồm kỹ phần thừa kế; công sức đóng góp và 01 nhận một phần kỹ phần của bà Võ Thị Bạch T diện tích 82,4 m² (trong đó 67,5 m² ODT, 14,9 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận).

Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q có trách nhiệm thanh toán một phần kỹ phần thừa kế cho bà Võ Thị Bạch T là: 406.328.000 đồng.

Bà Võ Thùy D được nhận kỹ phần thừa kế và nhận một phần kỹ phần của bà Võ Thị Bạch T cụ thể là diện tích 60 m² (trong đó có 48,3 m² ODT, 11,7 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận).

Bà Võ Thùy D phải thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế cho bà Võ Thị Bạch T là: 421.880.000 đồng.

[2.4] Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp thừa kế tài sản; chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá nguyên đơn tự nguyện chịu 2.904.842 đồng (nguyên đơn đã thực hiện xong).

[5] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q là cá nhân thuộc hộ nghèo nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 201, Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 674, 675, 676, 683 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là các Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 658; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015);

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Bạch T số tiền là 406.328.000 đồng (bốn trăm lẻ sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Bà Võ Thùy D trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Bạch T số tiền là 421.880.000 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D và cháu Võ Minh Q được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích 82,4 m² (trong đó 67,5 m² ODT; 14,9 m² thuộc HLBV nương theo giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D. (Ký hiệu 01)

- Bà Võ Thùy D được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất 60 m² (trong đó có 48,3 m² ODT, 11,7 m² HLBV nương theo giấy chứng nhận) thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số C322 tọa lạc tại khu phố Thạnh Hòa A, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình D. (Ký hiệu 02)

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; cháu Võ Minh Q và bà Võ Thùy D có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ 087900, số vào sổ 03336 QSDĐ/TT.AT do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình D cấp cho hộ ông Võ Tiến PH, ngày 30/11/2004 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; cháu Võ Minh Q và bà Võ Thùy D theo số liệu đo đạc thực tế trong Bản án này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu 2.904.842 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

4. Về án phí:

Bà Võ Thị Bạch T phải chịu 43.385.840 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000998 ngày

21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An. Bà Võ Thị Bạch T còn phải nộp 38.385.840 đồng (ba mươi tám triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T, cháu Nguyễn Thị Hồng D; cháu Võ Minh Q.

Bà Võ Thùy D phải chịu 43.385.840 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi đồng), án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Bản án số 32/2024/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình D)

(Ký hiệu 01) (Ký hiệu 02)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thu